TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 567/2025/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 04 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2004 ngày 20/01/2001 của UBND phường H (nay là phường N), thành phố N.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 450/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

CCCD số: 001181023715 cấp ngày 04/5/2021.

Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1978

CCCD số: 001078022307 cấp ngày 25/4/2021

Cùng HKTT: Số 31B ngõ 97, tổ 10, phường N, thành phố N.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành của các đương sự ngày 27 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quốc H cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh H thỏa thuận cháu Trần Quốc D sinh ngày 16/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Trần Bảo Quyên sinh ngày 21/9/2013 chi L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011844 ngày 15/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – N xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố N;
- VKSND khu vực 4 – N;
- Phòng THADS khu vực 4 – N;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị H